

BỘ TƯ PHÁP**BỘ TƯ PHÁP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2025/TT-BTP

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hành chính tư pháp;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Thông tư số 10/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung năm 2023 như sau:

“Điều 3. Ban hành mẫu Sổ, mẫu giấy tờ

1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

- a) 02 mẫu Sổ (Phụ lục I);
- b) 06 mẫu giấy tờ dùng cho việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước (Phụ lục II);
- c) 19 mẫu giấy tờ dùng cho việc đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Phụ lục III);
- d) 07 mẫu giấy tờ dùng chung cho việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Phụ lục IV);
- đ) Bản điện tử Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (Phụ lục V).

2. Tiêu chuẩn về kích thước, màu sắc, chi tiết kỹ thuật của mẫu Sổ và mẫu giấy tờ được mô tả cụ thể trong các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thông tin tại các mẫu đơn, tờ khai đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Người thực hiện thủ tục hành chính ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai điện tử.

4. Người ký bản điện tử của các giấy tờ là kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện ký số theo quy định pháp luật.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Thông tư số 10/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung năm 2023 như sau:

“Điều 5. Yêu cầu đối với việc ghi và cách ghi Sổ đăng ký nuôi con nuôi, Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và giấy tờ nuôi con nuôi

1. Công chức cấp xã, công chức Sở Tư pháp, viên chức ngoại giao, lãnh sự, công chức Cục Hành chính tư pháp thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi) là người thực hiện thủ tục phải trực tiếp ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi, Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam và giấy tờ nuôi con nuôi.

Nội dung ghi phải chính xác, chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa, viết cùng một màu mực, không dùng mực đỏ.

Việc ghi vào Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện trên máy tính.

2. Họ, chữ đệm, tên của cha, mẹ nuôi, con nuôi và người giao con nuôi phải ghi bằng chữ in hoa theo đúng Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Hộ chiếu/Giấy khai sinh hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

3. Mục Nơi sinh của con nuôi ghi đầy đủ theo Giấy khai sinh.

4. Mục Nơi cư trú được ghi như sau:

a) Trường hợp cha, mẹ nuôi là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, hoặc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam thì ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và ghi đủ 02 cấp hành chính (cấp xã, cấp tỉnh). Trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú.

b) Trường hợp cha, mẹ nuôi là người nước ngoài thường trú ở nước ngoài thì ghi theo địa chỉ thường trú ở nước ngoài. Trường hợp cha, mẹ nuôi là người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm mà chưa được cấp thẻ thường trú thì ghi đồng thời cả địa chỉ thường trú ở nước ngoài và địa chỉ tạm trú ở Việt Nam.

c) Nơi cư trú của con nuôi ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú của con nuôi và ghi đủ 02 cấp hành chính (cấp xã, cấp tỉnh). Trường hợp không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo địa chỉ nơi đang thực tế sinh sống.

Trường hợp con nuôi sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng. Trường hợp cơ sở nuôi dưỡng có nhiều cơ sở trực thuộc thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở trực thuộc nơi trẻ em sống.

5. Mục Cơ quan đăng ký việc nuôi con nuôi được ghi như sau:

a) Trường hợp việc nuôi con nuôi trong nước được đăng ký ở trong nước thì ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã và tên địa danh cấp tỉnh nơi đăng ký.

b) Trường hợp việc nuôi con nuôi trong nước được đăng ký tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì ghi tên Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

c) Trường hợp đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì ghi tên Sở Tư pháp nơi đăng ký.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số quy định, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 10/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung năm 2023

1. Thay thế, bãi bỏ một số quy định

a) Thay thế cụm từ “Bộ Tư pháp” tại khoản 5 Điều 2 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 10/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung năm 2023 bằng cụm từ “Cục Hành chính tư pháp thuộc Bộ Tư pháp”.

b) Bãi bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 10/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung năm 2023.

2. Thay thế, bãi bỏ Phụ lục

a) Thay thế Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 và Phụ lục 6 bằng các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Bãi bỏ Phụ lục 5.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 8 năm 2025.

2. Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài, hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì các mẫu giấy tờ nuôi con nuôi đã có trong hồ sơ vẫn tiếp tục có giá trị pháp lý theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung năm 2023./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Ngọc

Phụ lục I
DANH MỤC SỔ

(Kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP)

STT	Tên Sổ
1.	Sổ đăng ký nuôi con nuôi
2.	Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam

Sổ đăng ký nuôi con nuôi gồm các chi tiết kỹ thuật, mỹ thuật như sau:

Sổ có kích thước tương đương khổ giấy A4 (210x297mm), được in thành 100 trang.

Sổ có bìa cứng, cán mờ, được thiết kế màu xanh lá cây chủ đạo, có hoa văn là hình trống đồng Ngọc Lũ. Trên cùng là Quốc hiệu và Tiêu ngữ “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**”. Tiếp phía dưới là hình ảnh quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở trên dòng chữ “**BỘ TƯ PHÁP**”, kích thước 24x24mm. Tên biểu mẫu là chữ in hoa đậm, màu đỏ, cỡ chữ 35pt.

Các trang trong Sổ được in trên giấy trắng, khổ A4, định lượng 70gsm trở lên, sử dụng font chữ Times New Roman, bảng mã Unicode, cỡ chữ 12pt, in 01 màu.

Yêu cầu đối với Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam:

Sổ được in, đóng thành quyển, bảo đảm chắc chắn, có khả năng sử dụng lâu dài, không bị long gáy, bung trang.

Trên cùng là Quốc hiệu và Tiêu ngữ “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**”. Tiếp phía dưới là hình ảnh quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở trên dòng chữ “**BỘ TƯ PHÁP**”, kích thước 24x24mm. Tên biểu mẫu là chữ in hoa đậm, màu đen, cỡ chữ 35pt.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BỘ TƯ PHÁP

SỞ
ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI

Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi ⁽¹⁾:

.....

.....

Quyển số ⁽²⁾:

Ngày mở ⁽³⁾: tháng.....năm.....

Ngày khóa ⁽⁴⁾: tháng.....năm.....

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Tên “Cơ quan đăng ký nuôi con nuôi¹” phải được ghi rõ tại trang bìa của sổ:

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Ủy ban nhân dân cấp xã thì phải ghi đủ tên địa danh 02 cấp hành chính (cấp xã, cấp tỉnh);
- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Sở Tư pháp thì ghi tên của Sở Tư pháp và địa danh hành chính cấp tỉnh;
- Sổ đăng ký nuôi con nuôi của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thì ghi tên của Cơ quan đại diện Việt Nam.

2. Mục “Quyển số²” ghi số thứ tự của Sổ đăng ký nuôi con nuôi trong năm, trường hợp hết sổ mà chưa hết năm thì sử dụng sang quyển sổ khác và ghi số thứ tự tiếp theo; Mục “Ngày mở³” ghi ngày đăng ký sự kiện nuôi con nuôi đầu tiên của sổ; Mục “Ngày khóa⁴” ghi ngày đăng ký sự kiện nuôi con nuôi cuối cùng của sổ, trường hợp chưa hết sổ mà hết năm thì ngày khóa sổ là ngày 31 tháng 12.

3. “Số đăng ký⁵” là số thứ tự ghi vào sổ và năm đăng ký (ví dụ: số 01/2025).

Số đăng ký trong sổ phải được ghi liên tục từ số 01 đến hết năm, không được bỏ trống, không được đề trùng số. Nếu hết sổ mà chưa hết năm thì sử dụng sang quyển sổ khác và ghi tiếp theo số thứ tự cuối cùng của sổ trước, không ghi lại từ số 01. Nếu sổ được sử dụng tiếp cho năm sau, thì số thứ tự của năm sau phải bắt đầu từ số 01, không được lấy tiếp số thứ tự của năm trước.

Sổ phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối ngay tại thời điểm mở sổ.

4. “Ngày, tháng, năm đăng ký⁶” là ngày, tháng, năm ghi vào sổ.

5. Năm đăng ký bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12. Hết năm đăng ký phải thực hiện khóa sổ, thống kê tổng số sổ đã sử dụng, tổng số sự kiện nuôi con nuôi đã đăng ký trong năm, các trường hợp có sửa chữa do ghi chép sai sót, sổ trang bị bỏ trống (nếu có) vào trang liền kề với trang đăng ký cuối cùng của năm; ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức danh; có xác nhận của Thủ trưởng cơ quan đăng ký nuôi con nuôi.

6. Sổ được sử dụng để ghi thông tin về việc đăng ký nuôi con nuôi, đăng ký lại việc nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi theo quyết định của tòa án nhân dân có thẩm quyền, việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài và những thông tin thay đổi, cải chính sau này.

7. Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải nghiên cứu kỹ nội dung Thông tư và phần “Hướng dẫn sử dụng” trong Sổ đăng ký nuôi con nuôi để thực hiện đầy đủ, chính xác và thống nhất.

Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi phải tự mình ghi vào sổ, nội dung ghi phải chính xác, theo đúng hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi. Không tự ý tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung làm sai lệch nội dung đã ghi trong sổ.

Chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không viết tắt, không tẩy xóa; viết bằng loại mực tốt, cùng một màu; không dùng các màu mực khác nhau; không dùng mực đỏ.

8. Họ, chữ đệm, tên của cha, mẹ nuôi, con nuôi và người giao con nuôi phải ghi bằng chữ in hoa theo đúng Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Hộ chiếu/Giấy khai sinh hoặc giấy tờ có giá trị thay thế khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng.

Mục Nơi sinh của con nuôi ghi đầy đủ theo Giấy khai sinh của con nuôi.

Nơi cư trú ở trong nước ghi theo địa chỉ đăng ký thường trú và ghi đủ 02 cấp hành chính (cấp xã, cấp tỉnh); trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo địa chỉ đăng ký tạm trú. Nếu con nuôi sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng. Trường hợp cơ sở nuôi dưỡng có nhiều cơ sở trực thuộc thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở trực thuộc nơi trẻ em sống.

Trường hợp người nhận con nuôi cư trú ở nước ngoài thì ghi theo nơi thường trú ở nước ngoài. Trường hợp người nước ngoài đang làm việc, học tập ở Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm mà chưa được cấp thẻ thường trú thì ghi cả địa chỉ thường trú ở nước ngoài và địa chỉ tạm trú ở Việt Nam.

Đối với Hộ chiếu, phải ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp. Ví dụ: Hộ chiếu số 1089123, do Bộ Ngoại giao và Hợp tác quốc tế I-ta-li-a cấp ngày 20/02/2025.

9. Người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi cần đánh dấu vào các ô phù hợp tại cột bên phải tương ứng với phần ghi về người nhận con nuôi, con nuôi và người giao con nuôi.

10. Mục “Căn cứ ghi vào sổ⁷”, tùy theo từng loại việc, người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi cần đánh dấu vào ô tương ứng và ghi đầy đủ thông tin.

11. Mục “Ghi chú⁸” để ghi thông tin trong trường hợp việc nuôi con nuôi đã chấm dứt theo quyết định của tòa án nhân dân có thẩm quyền; thông tin thay đổi, cải chính hộ tịch sau này; thông tin sửa chữa, cải chính trong trường hợp có sai sót khi ghi sổ.

12. Đối với trường hợp ghi vào sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và đăng ký lại việc nuôi con nuôi, người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi ghi đầy đủ thông tin về người nhận con nuôi (cha nuôi, mẹ nuôi), con nuôi và đánh dấu vào ô tương ứng tại mục “Ghi chú”; những nội dung liên quan đến người giao con nuôi, chữ ký của người giao con nuôi và người nhận con nuôi trong sổ được bỏ trống.

Nếu người nhận con nuôi hoặc người giao con nuôi là vợ hoặc chồng đã ủy quyền cho người kia có mặt tại lễ giao nhận con nuôi theo quy định pháp luật thì chỉ người có mặt tại lễ giao nhận ký tên vào bên giao.

13. “Người thực hiện⁹” là người làm công tác đăng ký nuôi con nuôi.

Số đăng ký⁽⁵⁾: Ngày, tháng, năm đăng ký⁽⁶⁾:/...../.....

1. Phần ghi về người nhận con nuôi:		
Cha nuôi:		☐ Cha dượng ☐ Chú, cậu, bác ruột ☐ Khác
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu		
Nơi cư trú		
Mẹ nuôi:		☐ Mẹ kế ☐ Cô, dì, bác ruột ☐ Khác
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu		
Nơi cư trú		

2. Phần ghi về con nuôi:		☐ Con riêng ☐ Cháu ruột ☐ Trẻ em bị bỏ rơi ☐ Trẻ em mồ côi ☐ Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác ☐ Trẻ em sống tại cơ sở nuôi dưỡng ☐ Trẻ em sống tại gia đình ☐ Trẻ em sống ở nơi khác ☐ Trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo
Họ, chữ đệm, tên:..... Giới tính:.....		
Ngày, tháng, năm sinh:		
Quốc tịch:		
Nơi sinh:.....		
.....		
.....		
Số định danh cá nhân:.....		
Nơi cư trú:.....		
.....		
3. Phần ghi về người giao con nuôi:		☐ Cha đẻ ☐ Người giám hộ ☐ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng ☐ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng) ☐ Mẹ đẻ ☐ Người giám hộ ☐ Đại diện cơ sở nuôi dưỡng ☐ Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với trẻ em bị bỏ rơi chưa được đưa vào cơ sở nuôi dưỡng)
Ông:		
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu		
Bà:		
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu		

4. Căn cứ ghi vào sổ⁽⁷⁾:		
☐ Theo Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước số..... ngày..... tháng năm....., do Ủy ban nhân dân xã/phường cấp.		Ghi chú ⁽⁸⁾ ☐ Đăng ký lại việc nuôi con nuôi ☐ Việc nuôi con nuôi đã chấm dứt theo Quyết định/Bản án số ngày...tháng...năm của Tòa án nhân dân..... ☐ Thông tin thay đổi, cải chính:
☐ Theo Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số ngày.....tháng..... năm.....do cấp.		
☐ Theo giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của cấp ngày..... tháng..... năm.....		
Bên giao con nuôi <i>(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)</i> Ông Bà	Bên nhận con nuôi <i>(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)</i> Ông Bà	
5. Người thực hiện⁽⁹⁾ <i>(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức danh)</i>		

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BỘ TƯ PHÁP
CỤC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

**SỔ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CON NUÔI
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Quyển số⁽¹⁾:
Ngày mở⁽²⁾: tháng.....năm.....
Ngày khóa⁽³⁾: tháng.....năm.....

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Nội dung cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam phải được ghi vào sổ này.

2. Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam được ghi trên máy tính. Sau khi khóa sổ, Cục Hành chính tư pháp thuộc Bộ Tư pháp phải in sổ, đóng thành quyển, bảo đảm chắc chắn, có khả năng sử dụng lâu dài, không bị long gáy, bung trang và phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối của sổ.

3. Việc mở, khóa sổ được thực hiện như sau:

- Mục “Quyển số⁽¹⁾” được đánh số và ghi theo thứ tự bắt đầu từ số 01. “Ngày mở⁽²⁾” là ngày đăng ký sự kiện cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép đầu tiên của sổ, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 của năm đó. “Ngày khóa⁽³⁾” là ngày 31 tháng 12 của năm đó.

- Khi khóa sổ, công chức của Cục Hành chính tư pháp thuộc Bộ Tư pháp phải thống kê rõ tổng số sự kiện cấp, gia hạn, sửa đổi trong sổ, in sổ, ký tên, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và đóng dấu xác nhận.

4. Khi ghi các mục có trong sổ, công chức của Cục Hành chính tư pháp phải ghi chính xác, đầy đủ nội dung theo Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam.

- Mục “Tên” của tổ chức con nuôi nước ngoài phải được viết đầy đủ, bao gồm cả tên viết tắt (nếu có).

- Mục “Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp” phải ghi đầy đủ tên cơ quan cấp, số Giấy phép (nếu có) và ngày, tháng, năm cấp.

- Mục “Số⁽⁴⁾” của Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp ghi số của Giấy phép được cấp lần đầu tiên.

- Mục “Ngày, tháng, năm cấp⁽⁵⁾” của Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp ghi ngày cấp Giấy phép đầu tiên.

5. Nếu lần đầu tiên ghi sổ là sự kiện gia hạn hoặc sửa đổi Giấy phép thì phải ghi đầy đủ thông tin về Tổ chức con nuôi nước ngoài và thông tin về Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam tại phần “I. CẤP PHÉP” và bỏ trống mục “Người thực hiện”.

6. Nội dung gia hạn được ghi vào phần “II. GIA HẠN GIẤY PHÉP”.

Nội dung sửa đổi Giấy phép được ghi vào phần “III. SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP”.

I. CẤP PHÉP

1. Thông tin về tổ chức con nuôi nước ngoài:		Ghi chú
Tên		
Trụ sở chính		
Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp:		
Số (nếu có)		
Ngày, tháng, năm cấp		
Ngày hết hạn		
Cơ quan cấp		
Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp:		
Số ⁽⁴⁾		
Thời hạn Giấy phép	Ngày, tháng, năm cấp ⁽⁵⁾ : Ngày, tháng, năm hết hạn: <i>Số lần gia hạn:</i> <i>Ngày gia hạn cuối cùng:</i> <i>Số lần sửa đổi:</i> <i>Ngày sửa đổi cuối cùng:</i>	
2. Thông tin về Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam:		
Tên		
Địa chỉ		
Người đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài:		
Họ, chữ đệm, tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Quốc tịch		
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:		
Nơi cư trú		
3. Người thực hiện (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức danh)		

II. GIA HẠN GIẤY PHÉP

III. SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP

(Xem tiếp Công báo số 865 + 866)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.44243
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>